TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BT** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Hưng;

2/ Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2018/ TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp: "Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984 (Có mặt)

ĐKHK: 75C, khu phố 3, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Hiện ở: 437E, ấp Bình Công, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* **Phan Thị Kim H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 668A, ấp Nhơn Nghĩa, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn ly hôn ngày 26/9/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:*

Vào năm 2013 anh và chị H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố BT, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn phát sinh, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, anh và chị H đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Hiện

nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị H, về con chung anh và chị H không có con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Chị H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến về yêu cầu của anh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án này là tranh chấp về việc "Ly hôn", chị H hiện đang sinh sống tại xã N, thành phố BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT là đúng theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phía chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Vào năm 2013 anh B và chị H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố BT, vì vậy hôn nhân của anh B và chị H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Anh B trình bày nguyên nhân anh yêu cầu ly hôn với chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy anh B và chị H chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng anh B và chị H sống ly thân nhau, từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, giấy triệu tập cho chị H, chị H nhận được nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu của anh B. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh B và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh B yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Anh B khai anh và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về tài sản chung*: Anh B khai không có nên không xét đến.

- *Về nợ chung*: Anh B khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Phan Thị Kim H, anh B được ly hôn với chị H.

2. Về con chung*:* Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021800 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre, vậy án phí anh B đã nộp đủ.

Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến tre;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Ủy ban nhân dân phường A;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Trịnh Ngọc Hồng** **Nguyễn Thị Diễm Châu**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu